

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2025/ST-HNGĐ

Ngày 25/02/2025

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Doãn Xuân ; Ông Lê Thanh Hiền

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Anh Lê Công S - sinh năm 1983** – Có mặt.

Trú tại: Xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- **Bị đơn: Chị Ngân Thị M - sinh năm 1999** - Vắng mặt.

Trú tại: H, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Lê Công S trình bày: Anh Lê Công S và chị Ngân Thị M kết hôn vào ngày 29/11/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có con chung, chị M không biết chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống nên chị M tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 3/2024 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm

sốc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngân Thị M.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh S không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng anh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Ngân Thị M đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Công S, cho anh Lê Công S được ly hôn với chị Ngân Thị M và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; Về con chung: Vợ chồng không có con chung; về tài sản chung của vợ chồng anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí anh S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại bản M, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh Lê Công S và chị Ngân Thị M tại UBND xã L, huyện C cho biết, sau khi kết hôn chị M về sinh sống tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, thời gian gần đây chị M về nhà sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại bản H, xã L, huyện C, nhưng hiện tại chị M không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì chị M không khai báo cất khẩu tạm trú, tạm vắng. Tại biên bản lấy lời khai bà Vi Thị T, sinh năm 1954 - Trú tại Bản M, xã L, huyện C là mẹ đẻ của chị Ngân Thị M cho biết, sau khi kết hôn chị M về sinh sống tại gia

đình chồng ở huyện Y, Quá trình sinh sống vợ chồng chị M phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2024 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hiện nay chị M đang đi làm việc tại Công ty còn địa chỉ cụ thể thì bà T không biết, bà T cũng đã gọi điện thông báo cho chị M biết về việc bà đã nhận các văn bản của Tòa án đến tổng đạt cho chị M.

Như vậy, bị đơn chị Ngân Thị M vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về và cũng không xác định được nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngân Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Ngân Thị M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Ngân Thị M không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy anh Lê Công S và chị Ngân Thị M đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Công S và chị Ngân Thị M là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy anh S và chị M đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa chị Ngân Thị M vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng anh S, chị M xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại chị M không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết vì chị M không khai báo cất khẩu tạm trú, tạm vắng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị M không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Công S.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Anh Lê Công S và chị Ngân Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Lê Công S phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Công S.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Công S được ly hôn với chị Ngân Thị M và chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000808 ngày 23/12/2024.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NA;
- VKSND huyện Con Cuông;
- Chi cục THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Đại Thành, Yên Thành;
- Lưu hồ sơ -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lữ Thị Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Lữ Thị Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Lữ Thị Dung

